

Phụ lục VI
Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)
(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG

DIEN QUANG GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/ No.: 02/2026/CB.HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Ho Chi Minh City, January 27, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG/ DIEN QUANG GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: DQC

- Địa chỉ/Address: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Bến Thành, TP. HCM/ 121-123-125 Ham Nghi Street, Ben Thanh Ward, HMC City

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 19001257

Fax: (028)3825 1518

- E-mail: dqc@dienquang.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Báo cáo tình hình quản trị năm 2025/Corporate governance report in of 2025.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)



3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/01/2026 tại đường dẫn <http://www.dqc.vn> /This information was published on the company's website on January 27, 2026, as in the link <http://www.dqc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 và các Phụ lục đính kèm/Corporate governance report in of 2025 and Attached Appendices.

Đại diện tổ chức

Người được UQ CBTT

Authorized Person for Information Disclosure

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Trần Ngọc Giáp



Phụ lục V

Appendix V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG
DIEN QUANG GROUP JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/ No: 01/2025/BC-HDQT

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2026.
Ho Chi Minh City, January 27, 2026*

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty

(năm 2025)

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Year 2025)**



Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

Respectfully to:

- *The State Securities Commission;*
- *The Stock Exchange.*

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG/ DIEN QUANG GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 121-123-125 Hàm Nghi, P. Bến Thành, Tp. HCM/ 121-123-125 Ham Nghi Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại/Telephone: +84 19001257 Fax: +84 28 251518 Email: dqc@dienquang.com

- Vốn điều lệ/Charter capital: 343.594.160.000 đồng/ 343,594,160,000 VND.

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: DQC

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director*.

Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ *The implementation of internal audit*: Đã thực hiện/ *Implemented*.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments)*:

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày/ <i>Date</i>	Nội dung/ <i>Content</i>
1	16.2025/BBH-DHDCD	26/04/2025	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Minutes of the annual General Meeting of Shareholders 2025.</i>
2	17.2025/NQ-DHDCD	26/04/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025/ <i>Resolution of the General Meeting of Shareholders 2025.</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/*Board of Directors (year 2025)*:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors*:

Stt/ No.	Thành viên HĐQT/Board of Directors' members	Chức vụ/Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm/Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
1	Ông/Mr. Hồ Quỳnh Hưng	Chủ tịch/ Chairman of the Board of Directors	2023	-
2	Bà/Ms. Nguyễn Thái Nga	Thành viên/ Member of the Board of Directors	2023	-
3	Ông/Mr. Hồ Vĩnh Phương	Thành viên HĐQT không điều hành/ Non-executive member of the Board of Directors	2023	-
4	Bà/Ms. Trần Thị Nga Huế	Thành viên HĐQT độc lập/ Independent member of the Board of Directors	2023	-
5	Ông/Mr. Dương Hồ Thắng	Thành viên HĐQT/ Member of the Board of Directors	2023	-

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt/ No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director member	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông/Mr. Hồ Quỳnh Hưng	16	100%	
2	Bà/Ms. Nguyễn Thái Nga	16	100%	

3	Ông/Mr. Hồ Vĩnh Phương	16	100%	
4	Bà/Ms. Trần Thị Ngà Huế	16	100%	
5	Ông/Mr. Dương Hồ Thắng	16	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors*: HĐQT giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua hàng tháng Chủ tịch HĐQT tham gia họp giao ban Công ty/*Board of Directors Supervising the Board of Management by the Chairman of the Board of Directors to attend the Company's meeting monthly*.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any)*: Không/ *no*.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (year 2025)*:

Stt/ No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày/ <i>Date</i>	Nội dung/ <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
1	07/2025/ NQ- HĐQT	19/02/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua phương án kinh doanh điện mặt trời áp mái / <i>Resolution of the Board of Directors approving the rooftop solar power business plan.</i>	100%

2	09/2025/NQ-HDQT	03/3/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua Công tác tổ chức kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the organization of the Annual General Meeting of Shareholders in 2025</i>	100%
3	10/2025/NQ-HDQT	03/3/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua Báo cáo kết quả hoạt động quý 4/2024/ <i>Resolution of the Board of Directors approving the Report on operating results for the 4th quarter of 2024</i>	100%
4	10c/2025/NQ-HDQT	09/4/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Đà Nẵng và các nội dung khác theo Biên bản họp HĐQT ngày 09/4/2025/Resolution of the Board of Directors approving the policy on the transfer of land use rights in Da Nang and other matters in accordance with the Minutes of the Board of Directors' meeting dated April 9, 2025.	100%
5	20/2025/NQ-HDQT	19/5/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua các nội dung theo Biên bản họp HĐQT ngày 19/5/2025/ <i>Resolution of the Board of</i>	100%

			<i>Directors approving the contents according to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated 19/5/2025.</i>	
6	20a/2025/NQ-HDQT	19/6/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua việc Công ty cổ phần Tập đoàn Điện Quang cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Eximbank/ <i>Resolution of the Board of Directors approving Dien Quang Group Joint Stock Company to issue credit limit at Eximbank.</i>	100%
7	20b/2025/NQ-HDQT	19/6/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua việc Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Eximbank/ <i>Resolution of the Board of Directors approving Dien Quang High Tech Company Limited to issue credit limit at Eximbank.</i>	100%
8	23/2025/NQ-HDQT	24/6/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025/Selection of the auditor for the 2025 financial statements	100%
9	26/2025/NQ-HDQT	16/7/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua việc thay đổi người đại diện pháp luật công ty QUASALUM/ <i>Through the change of legal representative of QUASALUM company.</i>	100%

10	36/2025/NQ-HDQT	08/9/2025	Nghị quyết HĐQT miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty/ Resolution of the Board of Directors Dismissing the Deputy General Director of the Company.	100%
11	42/2025/NQ-HDQT	26/9/2025	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn tín dụng tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam/Resolution of the Board of Directors on obtaining a credit loan from the Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank).	100%
12	44/2025/NQ-HDQT	17/11/2025	Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc công ty con/ Resolution of the Board of Dismissal of the General Director of the subsidiary.	100%
13	45/2025/NQ-HDQT	17/11/2025	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc công ty con/Resolution of the Board of Directors on the appointment of the General Director of the subsidiary.	100%
14	49/2025/NQ-HDQT	25/11/2025	Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc công nghệ công ty/Resolution of the Board of Directors on the dismissal from the position of Chief Technology Officer of the Company.	100%
15	53/2025/NQ-HDQT	01/12/2025	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật công ty/Resolution of the Board of Directors on the change of the Company's legal representative.	100%



16	56/2025/NQ-HDQT	01/12/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua việc Công ty cổ phần Tập đoàn Điện Quang cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Eximbank/ <i>Resolution of the Board of Directors approving Dien Quang Group Joint Stock Company to issue credit limit at Eximbank.</i>	100%
17	60/2025/NQ-HDQT	31/12/2025	Nghị quyết HĐQT về việc bổ nhiệm phó Tổng Giám đốc công ty/Resolution of the Board of Directors on the appointment of the Deputy General Director of the Company	100%
18	64/2025/NQ-HDQT	31/12/2025	Nghị quyết HĐQT thông qua việc Công ty cổ phần Tập đoàn Điện Quang cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietcombank/ <i>Resolution of the Board of Directors approving Dien Quang Group Joint Stock Company to issue credit limit at Vietcombank.</i>	100%

I. Ban kiểm soát (năm 2025)/Board of Supervisors (year 2025)

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/*Information about members of Board of Supervisors:*

Stt/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán/ <i>The date becoming/ceasin g to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>
1	Bà/Ms. Nguyễn Hoàng Anh	Trưởng Ban/ <i>Chief of Board of Supervisors</i>	2023	Tài chính Kế toán/ <i>Accounting</i>
2	Ông/Mr. Ngô Đức Thọ	Thành viên/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	2023	Quản trị kinh doanh/ <i>Business Administration</i>
3	Ông/Mr. Tô Hiếu Thuận	Thành viên/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	2023	Thạc sĩ Kinh tế/ <i>Master economic</i>

2. Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors*

Stt/ No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà/Ms. Nguyễn Hoàng Anh	04	100%	100%	

2	Ông/Mr. Ngô Đức Thọ	04	100%	100%	
3	Ông/Mr. Tô Hiếu Thuận	04	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

Trong năm 2025, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty và cổ đông trong hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong nội bộ Ban kiểm soát của Công ty/ *In 2025, the Board of Supervisors did not detect any abnormal cases that caused harm to the Company and shareholders in the activities of the Board of Directors, members of the Board of General Directors, and other managers within the scope of the Board of Supervisors' oversight.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Trong năm 2025, Ban Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nắm bắt tình hình hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông./

In 2025, the Board of General Directors closely coordinated with the Board of Directors and the Board of Supervisors. This included: grasping the operational situation, providing sufficient reporting information and relevant data, and ensuring that the Company's activities were appropriate and met the interests of shareholders.

5. Hoạt động khác của BKS/Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):* Không/ No

II. Ban điều hành/*Board of Directors*

Stt/ No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management/</i>
1	Ông/Mr. Hồ Quỳnh Hưng	24/07/1971	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/ <i>Master of Business Administration</i>	2010
2	Ông/Mr. Trần Quốc Toàn	11/11/1971	Cử nhân Điện - Điện tử/ <i>Bachelor of Electrical and Electronics Engineering</i>	2011
3	Ông/Mr. Dương Hồ Thắng	22/5/1980	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế/ <i>Master of Business Administration, Bachelor of Economics</i>	2025
4	Bà/Ms. Nguyễn Thái Nga	13/01/1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/ <i>Master of Business Administration</i>	2015
5	Bà/Ms. Nguyễn Thái Quỳnh Lê	10/09/1990	Quản trị kinh doanh - Quản trị truyền thông/ <i>Business Administration - Communication Management</i>	2018

6	Ông/Mr. Phạm Lê Minh	28/09/1971	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh/ <i>Master of Business Administration</i>	Miễn nhiệm từ ngày 18/12/2025/ Dismissed effective December 18, 2025
7	Ông/Mr. Lê Công Tuấn Kiệt	31/01/1971	Thạc sĩ Quan hệ quốc tế/ <i>Master of International Relations</i>	Miễn nhiệm từ ngày 09/9/2025/ Dismissed effective September 9, 2025

III. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Họ và tên/ <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm/ <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Bà/Ms. Lê Thị Kim Chi	21/10/1977	Quản trị kinh doanh Ngoại thương, Tài chính doanh nghiệp/ <i>Business Administration, Corporate Finance</i>	2014

IV. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Công ty luôn tham gia các khóa đào tạo và Hội thảo do Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức./*The company always participates in training courses and seminars organized by the Stock Exchange and the State Security Commission of Vietnam.*

V. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (2025 report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company*)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*: Phụ lục 1 đính kèm/ *Appendix 1 attached.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*: Phụ lục 2 đính kèm/ *Appendix 2 attached.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power*: Không/ *No*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*: Không/ *No*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*: Không/ *No*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO)*: Không/ *No*

303
LƯU
CƠ T
TẬP
IEN
1-7

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không/ No*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons: Phụ lục 3 đính kèm/ Appendix 3 attached.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:*

Stt/ No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	Số cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ/ Percentage	
1	Nguyễn Thái Nga	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc/ Member of the Board of Directors and Deputy General Director	4.125.632	12,01	3.245.632	9,45	Bán/ selling

2	Trần Thị Xuân Mỹ	Người liên quan/Related party	1.221.974	3,56	0	0	Bán/ <i>selling</i>
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại Điện Quang	Người liên quan/Related party	2.810.004	10,20	4.331.978	12,61	Mua/ <i>buying</i>

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không/No

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên
- Lưu văn thư

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



HỒ QUỲNH HÙNG

C P H.

**Phụ lục 01 - DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐIỆN QUANG/
APPENDIX 1 - THE LIST OF AFFILIATED OF OERSONS OF THE COMPANY**

(Ban hành kèm theo báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 số 01/2026/BC-HDQT ngày 27/01/2026)/
(Attached to Report on Corporate Governanc No.: 01/2026/BC-HDQT dated 27/01/2026)

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individu al	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
1	Hồ Quỳnh Hưng		Chủ tịch Hội đồng Quản trị					2009		✓
2	Dương Hồ Thắng		Thành viên hội đồng quản trị kiêm phó Tổng Giám đốc					2005		✓

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
3	Hồ Vinh Phương		Thành viên hội đồng quản trị					2008		✓
4	Nguyễn Thái Nga		Thành viên hội đồng quản trị/Phó Tổng Giám đốc					2013		✓
5	Trần Thị Ngà Huế		Thành viên hội đồng quản trị					2018		✓
6	Nguyễn Hoàng Anh		Trưởng Ban kiểm soát					2010		✓

14.0

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
7	Ngô Đức Thọ		Thành viên Ban kiểm soát					2010		
8	Tô Hiếu Thuận		Thành viên Ban kiểm soát					2013		
9	Trần Quốc Toàn		Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty					2011		
10	Lê Thị Kim Chi		Kế Toán Trưởng					2014		
11	Nguyễn Vinh Quang		GD.XN							

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
12	Đàm Hoàn Vũ		Giám Đốc Bán Hàng – MT							✓
13	Phạm Lê Minh		Giám đốc công nghệ					2017	18/12/2025	✓
14	Nguyễn Thái Quỳnh Lê		Phó Tổng giám đốc					2018		✓
15	Trần Ngọc Giáp		Người được ủy quyền CBTT					17/12/202 5		✓

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
16	Trần Bá Linh		Tổng GD Công ty TNHH MTV CNC Điện Quang, Giám Đốc Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang					2023		✓
17	Nguyễn Thị Quỳnh Lê		Người phụ trách kiểm toán nội bộ					2023		✓
18	Phan Hữu Danh		Giám đốc chi nhánh					2020		✓
19	Trần Thị Trang		Người đứng đầu chi nhánh					2020		✓
20	Lê Công Tuấn Kiệt		Phó Tổng giám đốc					2021	09/09/2025	✓

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
21	Đặng Văn Thúc		Giám đốc Kinh doanh					2023		✓
22	Trần Anh Tuấn		Giám đốc Phát triển thị trường					2023		✓
23	Phạm Thị Hiền		Giám đốc Nhân sự					2023		✓
24	Hồ Hữu Thái		Giám đốc chi nhánh					2023		✓
25	Công ty CP Phân phối Điện Quang (Công ty Cổ phần 4P)			0305027119	04/06/2007		121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh			Công ty con ✓
26	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang			0304527408	23/08/2006		125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh			Công ty con ✓

Stt./ No.	Tên tổ chức/ cá nhân/ Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Position at the Company (if any)	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH/No. *, date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person	Lý do/ Reasons
				Số giấy NSH/ NSH/No. *, date of issue, place of issue	Ngày cấp / date of issue,	Nơi cấp/ place of issue				
27	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Điện Quang			0305695966	07/05/2008		121-123-125 Hàm Phường Nghị, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh			Công ty con
28	Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang			3700931137	23/05/2008		Đường số 1. KCN Đồng An, Thị xã Thuận An, Bình Dương.			Công ty con
29	Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang			0313529842	11/11/2015		Lô HT2-2, Đường D2, Khu nghệ Công cao, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành Thủ phố Đức, Thành phố Hồ Chí Minh			Công ty con
30	Công ty CP Đầu tư Thương mại Điện Quang			0304605624	06/06/2007		Lô A Đường số 1 khu công nghiệp Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương			Công ty liên kết
31	Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare			1101921376	20/06/2019		Lô G4-G8 Đường số 8 KCN Tân Đô, Xã Đức Hoà Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	2020		Doanh nghiệp có liên quan
32	Công ty Cổ phần Tiếp vận Song Dũng			0314723909	08/11/2017		190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TPHCM			Doanh nghiệp có liên quan
33	Công ty TNHH MTV Điện Quang thông minh			0314723909	10/02/2023		121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam			Công ty con
34	Công TNHH MTV Quasar Lum			0317659680	11/02/2023		121-123-125 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam			Công ty con

PHỤ LỤC 2: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ APPENDIX 2: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSON

(Kèm theo Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng năm 2025 số 01/2026/BC-HĐQT ngày 27/01/2026)/
(Attached to Report on Corporate Governance No.: 01/2026/BC-HĐQT dated 27/01/2026)

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện Quang phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa với các doanh nghiệp có liên quan như sau/ During the period, Dien Quang Group Joint Stock Company incurred purchase and sale transactions with related enterprises as follows:

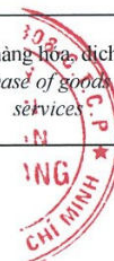
STT/ No.	Tên tổ chức/cá nhân/ Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ/ Address	Thời điểm giao dịch với công ty/ Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)/ Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú/ Note
1	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang/ DIEN QUANG TRADING SERVICE COMPANY LIMITED	Công ty con/ Subsidiary company			2025	1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 17.2025/NQ- DHDCĐ ngày 26/4/2025/ Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders No. 17.2025/NQ- DHDCĐ dated April 26, 2025.	342,008,363	Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services
2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Điện Quang/ dien quang invesment and installation joint stock company	Công ty con/ Subsidiary company			2025		3,619,894,675	Mua hàng hóa, dịch vụ/ Purchase of goods and services
							74,156,364	Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services
3	Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang/ DIEN QUANG HIGH TECH COMPANY LIMITED	Công ty con/ Subsidiary company			2025		29,142,180,698	Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services
							93,874,516,471	Mua hàng hóa, dịch vụ/ Purchase of goods and services
4	Công TNHH MTV QuasarLum	Công ty con/ Subsidiary company			2025		567,552,764	Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services



5	Công ty TNHH MTV Điện Quang Thông Minh	Công ty con/ Subsidiary company			2025	3,171,177,777	Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services
6	Công ty CP Đầu tư Thương mại Điện Quang/ DIEN QUANG TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	Công ty liên kết/ Affiliated Company			2025	25,219,778,473	Bán hàng hóa, dịch vụ/ Selling goods and services
7	Công ty Cổ phần Tiếp vận Song Dung/ SONG DUNG LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY	Doanh nghiệp liên quan/Related Company			2025	109,726,725,323	Mua hàng hóa, dịch vụ/ Purchase of goods and services
						6,018,720,767	Mua hàng hóa, dịch vụ/ Purchase of goods and services

Ghi chú/Note :

- Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).
- Số liệu (Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch) là số liệu trước kiểm toán/ Data (Content, quantity, total transaction value) is pre-audit data.



Phụ lục 03 - DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/
APPENDIX 3 - THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS

(Ban hành kèm theo báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025 số 02/2026/BC-HDQT ngày 23/01/2026)/
Attached to Report on Corporate Governanc No.: 02/2026/BC-HDQT dated 23/01/2026

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
1	Hồ Quỳnh Hưng	011C006942	Chủ tịch HĐQT		CCCD				2,517,993	7.33	
1.1	Nguyễn Thị Duyên	011C006946		Vợ	CCCD						
1.2	Hồ Quỳnh Anh			Con	CCCD						
1.3	Hồ Quỳnh Chi			Con	CCCD						
1.4	Hồ Đức Bình			Con							Còn nhỏ chưa có CCDD
1.5	Trần Thị Xuân Mỹ	011C005412		Mẹ ruột	CCCD						
1.6	Hồ Thị Kim Thoa	011C005401		Chị ruột	CCCD				6,415	0.02	
1.7	Nguyễn Văn Ngạch			Bố vợ	CCCD						
1.8	Nguyễn Thái Phúc			Anh rể	CCCD						
1.9	Hồ Đức Lam			Anh ruột	CCCD				90	0.00026	
1.10	Nguyễn Thị Kim Hồng			Chị dâu	CCCD						
1.11	CTCP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN QUANG		Chủ tịch HĐQT	Tổ chức có liên quan	ĐKKD				4.331.978	12,61	
2	Dương Hồ Thắng		TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		CCCD				168	0.00049	



Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
2.1	Trần Thị Kim Anh			Vợ	CCCD						
2.2	Hồ Thị Thất			Mẹ đẻ	CCCD						
2.3	Dương Anh Khôi			Con							còn nhớ chưa có CCCD
2.4	Dương An Nhiên			Con							còn nhớ chưa có CCCD
2.5	Dương Hồ Lan			chị ruột	CCCD						
2.6	Dương Hồ Minh			anh ruột	CCCD						
2.7	Trần Thanh Hương	058C681210		chị dâu	CCCD						
2.8	Trần Văn Khai			Bố vợ	CCCD						
2.9	Lê Thị Sinh			Mẹ vợ	CCCD						
3	Hồ Vĩnh Phương	001C502728 069C182838	TV HĐQT		CCCD				50,019	0.15	
3.1	Phạm Vũ Phương Linh	001C505646 005C526555		Vợ	CCCD				68,765	0.2	
3.2	Hồ Vĩnh Xuân			cha đẻ	CCCD						
3.3	Đỗ Thị Tươi			mẹ đẻ	CCCD						
3.4	Phạm Lê Thanh			Bố vợ	CCCD						
3.5	Vũ Anh Thư	00001C50775 8		Mẹ vợ	CCCD						
3.6	Hồ Hoàng Nam			con đẻ	CCCD						
3.7	Hồ Thanh Hà			con đẻ							còn nhớ chưa có CCCD
3.8	Hồ Thị Hồng Loan	00001C50775 8		chị ruột	CCCD						

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
3.9	Lê Đình Vinh			anh rể	CCCD						
4	Nguyễn Thái Nga		TV HĐQT, Phó TGD		CCCD				3.245.632	9,45	
4.1	Nguyễn Việt Tuấn			Chồng	CCCD						
4.2	Nguyễn Hồ Phúc Anh			Con							còn nhỏ chưa có CCCD
4.3	Nguyễn Hồ Khánh An			Con							còn nhỏ chưa có CCCD
4.4	Nguyễn Thái Phúc			Ba	CCCD						
4.5	Hồ Thị Kim Thoa			Mẹ	CCCD				6,415	0.02	
4.6	Nguyễn Thái Quỳnh Lê			Em Gái	CCCD				2,230,417	6.49	
4.7	Nguyễn Việt Trung			Em chồng	CCCD						
4.8	Nguyễn Thúy Hiền			Mẹ chồng	CCCD						
4.9	Nguyễn Văn Thanh			Bố chồng	CMND						
5	Trần Thị Nga Huế	003C175588 tại SSI	Thành viên HĐQT		CCCD				20,218	0.06	
5.1	Đỗ Nga Việt			chồng	CCCD						
5.2	Trần Bá Dương			Bố đẻ	CCCD						
5.3	Trần Thị Thanh Huyền			Em gái	CCCD						
5.4	Dương Quốc Huy			Em rể	CCCD						
5.5	Trần Thị Hoa			Em gái	CCCD						

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
5.6	Bùi Tuấn Anh			Em rể	CCCD						
5.7	Phạm Trần Hoàng Long,			Con							còn nhỏ chưa có CCCD
5.8	Nguyễn Hoà Bình			Con							còn nhỏ chưa có CCCD
6	Nguyễn Hoàng Anh	058C826024	Trưởng BKS		CCCD				2,000	0.01	
6.1	Hoàng Kim Vân			Mẹ đẻ	CCCD						
6.2	Nguyễn Hoàng Lân			Anh ruột	CCCD						
6.3	Đỗ Việt Hùng			Chồng	CCCD						
6.4	Nguyễn Thị Bích Nga			Chị dâu	CCCD						
6.5	Đỗ Anh Khôi			Con ruột	CCCD						
6.6	Đỗ Quỳnh Anh			Con ruột	CCCD						
6.7	Phạm Thị Tằng			Mẹ chồng	CCCD						
7	Ngô Đức Thọ	058C798998	TV BKS		CCCD				1,452	0.0042%	
7.1	Ngô Ngọc Khang			Cha	CCCD						
7.2	Nguyễn Thị Ngừ			Mẹ	CCCD						
7.3	Trần Thị Thanh Hương			Vợ	CCCD						
7.4	Ngô Đức Tâm			Con	CCCD						
7.5	Ngô Hương Tâm			Con	Chưa đủ tuổi						còn nhỏ chưa có CCCD
7.6	Ngô Thị Ánh Tuyết			Chị	CCCD						

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue				Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue				
7.7	Ngô Thị Lan			Chị	CCCD							
7.8	Ngô thị Ngọc Khánh			Chị	CCCD							
7.9	Ngô Ngọc Thành			Anh	CCCD							
7.10	Hoàng Thị Niền			Mẹ vợ	CCCD							
8	Tô Hiếu Thuận		TV BKS		CCCD							
8.1	Tô Toàn Đức			Me								Không cung cấp
8.2	Lê Thị Mỹ			Vợ								Không cung cấp
8.3	Vân Thị Thu Minh			Con	CCCD							
8.4	Tô Toàn Mỹ Linh			Con	Hộ chiếu							
8.5	Tô Toàn Phương Anh			Cha	CCCD							
8.6	Đặng Thị Minh Thu			Mẹ vợ	CCCD							
8.7	Văn Thủy			Bố vợ	CCCD							
9	Trần Quốc Toàn	001C521303	TGD, Người phụ trách quản trị công ty		CCCD					80	0.002	
9.1	Phạm Thị Thu Thuận			vợ								
9.2	Trần Hoàng Anh			Con								Còn nhỏ
9.3	Trần Ngọc Hương Giang			Con								Còn nhỏ
9.4	Trần Thị Kim Phương			Chị								
9.5	Trần Thị Kim Dung			chị								
9.6	Trần Anh Dũng			Anh								
9.7	Trần Quốc Sử			Anh								
9.8	Trần Thị Kim Hoa			Chị								
9.9	Trần Thị Kim Lan			Chị								
9.10	Trần Quốc Tuấn			Anh								
9.11	Phạm Hồng Trường			Anh rể								
9.12	Trịnh Quang Lý			Anh rể								
9.13	Trần Cao Tuấn			anh rể								
9.14	Phạm Thị Xuân Thu			Chị dâu								



Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
9.15	Trần Thị Chín			chị dâu							
9.16	Nguyễn Thị Thu Thủy			chị dâu							
9.17	Nguyễn Thị Lý			Mẹ vợ							
10	Lê Thị Kim Chi		Kế Toán Trưởng						2,278	0,01%	
10.1	Trần Quang Thảo			Chồng							
10.2	Trần Lê Ngọc Quỳnh			Con							
10.3	Trần Lê Minh Nguyệt			Con							
10.4	Vương Thị Thế			Mẹ							
10.5	Lê Mạnh Cường			Anh Trai							
10.6	Trần Quang Trung			Bố chồng							
10.7	Nguyễn Thị Hoa			Mẹ chồng							
11	Nguyễn Vinh Quang		GD.XN		CCCD						
11.1	Nguyễn Thị Thanh Phượng			Vợ	CCCD						
11.2	Nguyễn Văn Thảo			cha đẻ	CCCD						
11.3	Nguyễn Thị Huệ			mẹ đẻ	CCCD						
11.4	Nguyễn Ngọc Trúc Diễm			con đẻ	CCCD						
11.5	Nguyễn Hữu Đức			con đẻ							còn nhỏ chưa có CCCD
11.6	Nguyễn Thị Huyền Trang			chị ruột	CCCD						
11.7	Nguyễn Bích Thủy			em ruột	CCCD						
11.8	Nguyễn Ngọc Thành			Bố vợ	CCCD						

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue				Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue				
11.9	Nguyễn Thị Hữu Duyên			Mẹ vợ	CCCD							
12	Đàm Hoàn Vũ		Giám Đốc Bán Hàng - MT		CCCD							
12.1	Huỳnh Thị Phương Dung			Vợ	CCCD							
12.2	Đàm Vũ Gia Kỳ			Con ruột								còn nhỏ chưa có CCCD
12.3	Trương Thị Vân Anh			Mẹ ruột	CCCD							
12.4	Huỳnh Đạo Thuận			Em rể	CCCD							
12.5	Huỳnh Nghi			Bố vợ	CCCD							
12.6	Trần Thị Hoà			Mẹ vợ	CCCD							
13	Phạm Lê Minh	057C102279 00	Giám đốc công nghệ		CCCD							
13.01	Lê Thị Thanh			Mẹ đẻ	CCCD							
13.02	Dương Diễm Thúy			Vợ								
13.03	Phạm Dương Minh Quang			Con trai								Chưa đổi CCCD do đi du học
13.04	Phạm Dương Diễm Quỳnh			Con gái								
13.05	Nguyễn Thị Minh Diễm			Chị dâu								
13.06	Phạm Lê Hương			Chị ruột								
13.07	Phạm Lê Tuấn			Anh ruột								
13.08	Nguyễn Thị Xuân Anh			Chị dâu								
13.09	Phạm Lê Thanh Bình			Chị ruột								
13.10	Lâm Bá Nhĩ			Anh rể								
13.11	Dương Hồng Thái			Bố vợ								
13.12	Vô Thị Lý			Mẹ vợ								
14	Nguyễn Thái Quỳnh Lê		Phó Tổng giám đốc		CCCD					2,230,417	6,49	

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
14.1	Nguyễn Hoàng Anh			Chồng	CCCD						
14.2	Nguyễn Hồ Anh My			Con							còn nhớ chưa có CCCD
14.3	Nguyễn Hồ Lê My			Con							còn nhớ chưa có CCCD
14.4	Nguyễn Hồ Hùng Anh			Con							còn nhớ chưa có CCCD
14.5	Nguyễn Thái Phúc			Ba	CCCD						
14.6	Hồ Thị Kim Thoa	011C005401		Mẹ	CCCD				6,415	0.02	
14.7	Nguyễn Thái Nga		TV HĐQT, Phó TGD	Chị ruột	CCCD				3.245.632	9,45	
14.8	Nguyễn Việt Tuấn			Anh rể	CCCD						
14.9	Phạm Thị Thu Hồng			Mẹ chồng	CCCD						
14.10	Nguyễn Văn Tường			Bố chồng	CCCD						
15	Trần Bá Linh		Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang, Giám Đốc Công ty TNHH MTV Điện Tử Điện Quang						1,500	0.0044	
15.1	LẠI THỊ ĐỨC BÌNH			Mẹ Ruột	CCCD						
15.2	PHẠM CÔNG LÝ			Ba Vợ	CCCD						
15.3	ĐÌNH THỊ SÓT			Mẹ Vợ	CCCD						
15.4	TRẦN THỊ BÍCH LỆ			Em Ruột	CCCD						
15.5	NGUYỄN MICHAEL TUYỀN			Em Rể	PASSPORT						

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
15.6	TRẦN BẢO LONG			Em Ruột	CCCD						
15.7	LÊ THỊ KIM LÊ			Em Dâu	CCCD						
15.8	TRẦN THỊ BẠCH LIÊN			Em Ruột	CCCD						
15.9	NGUYỄN VĂN QUYỀN			Em Rể	CCCD				7,000	0.02	
15.10	PHẠM THIÊN MỸ LINH			Vợ	CCCD						
15.11	TRẦN HOÀNG KHAI			Con	CCCD						
15.12	PHẠM THIÊN TƯỚNG LINH			Chị Vợ	CCCD						
15.13	PHẠM ĐỨC HIỀN			Em Vợ	CCCD						
15.14	TRỊNH NHẬT LINH			Em Vợ	CCCD						
15.15	PHẠM THIÊN QUỶ LINH			Em Vợ	CCCD						
16	Nguyễn Thị Quỳnh Lê		Người phụ trách kiểm toán nội bộ								
16.01	Nguyễn Thái Huy			Chồng	CMND						
16.02	Nguyễn Văn Dâu			Bố đẻ	CCCD						
16.03	Dương Thị Thanh Hương			Mẹ đẻ							còn nhỏ chưa có CCCD
16.04	Nguyễn Thị Thanh Mai			Chị ruột	CCCD						
16.05	Nguyễn Văn Hùng			Anh rể	CCCD						
16.06	Nguyễn Thái Hòa			Bố chồng	CCCD						
16.07	Nguyễn Thị Ngọc Ánh			Mẹ chồng	CCCD						
16.08	Nguyễn Thị Lệ Huyền			Chị chồng	CCCD						



Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
17	Phan Hữu Danh		Giám đốc chi nhánh						12	0,000035	
17.01	Huỳnh Thị Ái Dung			Vợ							
17.02	Phan Hữu Phước			Cha ruột							
17.03	Phan Huỳnh Ái Mỹ			Con ruột							
17.04	Phan Huỳnh Ái Vy			Con ruột							
17.05	Phan Hữu Lợi			Con ruột							còn nhỏ chưa có CCCD
17.06	Phan Hữu Lộc			Anh ruột							
17.07	Phan Thị Thu Hà			Chị ruột							
17.08	Huỳnh Văn Tư			Bố vợ							
17.09	Đặng Thị Giúp			Mẹ vợ							
17.10	Phan Thị Thu Hương			Em ruột							
17.11	Phạm Hồng Ngọc			Anh rể							
17.12	Trương Xuân Phong			Em rể							
17.13	Lê Thị Hiền Hậu			Chị dâu							
18	Trần Thị Trang		Người đứng đầu chi nhánh		CCCD				155,991	0.45	
18.01	Phạm Tiến Dũng			Chồng							
18.02	Trần Văn Triền			Anh Trai							
18.03	Nguyễn Thanh Bình			Chị Dâu							
18.04	Trần Văn Thiết			Anh Trai							
18.05	Nguyễn Thị Thanh			Chị Dâu							

100
ĐƠN
CƠ P
ÁP I
-N (

7 P. 1

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
18.06	Trần Văn Hương			Bố đẻ							
18.07	Nguyễn Thị Hoa			Mẹ đẻ							
18.08	Phạm Thị Đồng			Mẹ chồng							
19	Lê Công Tuấn Kiệt	006C320058	Phó Tổng giám đốc		CCCD				500	0.0015	
19.01	Bùi Thị Hoàng Yến			Vợ	CCCD						
19.02	Lê Công Kiệt			Cha	CCCD						Không cung cấp
19.03	Huỳnh Thanh Nguyệt			Mẹ	CCCD						Không cung cấp
19.04	Lê Công Thanh Tú			Con	CCCD						Không cung cấp
19.05	Lê Công Quang Tùng			Con	CCCD						
19.06	Bùi Viết Khâm			Bố vợ	CCCD						
19.07	Hoàng Thị Thìn			Mẹ vợ	CCCD						
19.08	Lê Công Thuận			Anh trai	CCCD						
19.09	Nguyễn Phan Thảo Nhi			Chị dâu	CCCD						
19.10	Lê Công Thanh Trúc			Em gái	CCCD						
19.11	Remy Pauvarel			Em rể							
19.12	Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Xây dựng Quang Đạo		Chủ tịch HĐQT	Tổ chức có liên quan	ĐKKD						
19.13	Cty TNHH Lectika		Giám đốc	Tổ chức có liên quan	ĐKKD						
20	Đặng Văn Thúc		Giám đốc Kinh doanh – Khối Homecare								
20.01	Đặng Ngọc Oanh			Cha							
20.02	Trần Thị Hoa			Mẹ							
20.03	Trương Thị Kiều Mỹ Tiên			Vợ							

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
20.04	Đặng Gia Thịnh			Con							còn nhớ chưa có CCCD
20.05	Đặng Ngọc Bảo Trân			Con							còn nhớ chưa có CCCD
20.06	Đặng Thị Thuý			Chị							
20.07	Đặng Văn Trí			Anh							
20.08	Đặng Thị Trà			Chị							
20.09	Đặng Thị Hoàng			Em							
20.10	Phạm Thọ Dũng			Anh rể							
20.11	Lê Thị Hoà			Chị dâu							
20.12	Đỗ Văn Khanh			Anh rể							
20.13	Phạm Thanh Toàn			Em rể							
21	Trần Anh Tuấn		Giám đốc Phát triển thị trường		CCCD				7	0.00002	
21.01	Vũ Thị Như Quỳnh			Vợ	CCCD						
21.02	Trần Vũ Quốc Việt			Con	CCCD						còn nhớ chưa có CCCD
21.03	Trần Diệu Tôn			Ba	CCCD						
21.04	Tạ Thị Dung			Mẹ	CCCD						
21.05	Trần Ngọc Thuý Trâm			Em gái	CCCD						
21.06	Phạm Thị Thuý Ngọc			Mẹ vợ	CCCD						
21.07	Vũ Văn Tuấn			Bố vợ	CCCD						
22	Phạm Thị Hiền		Giám đốc Nhân sự								
22.01	Nguyễn Tuấn Anh			Chồng	CCCD						
22.02	Nguyễn Phạm Thảo Linh			Con	CCCD						
23	Hồ Hữu Thái		GĐ chi nhánh		CCCD						
23.01	Hồ Hữu Quảng			Cha	CCCD						

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue				Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue				
23.02	Nguyễn Thị Tuy			Mẹ	CCCD							
23.03	Trần Thị Dăng			Mẹ vợ	CCCD							
23.04	Nguyễn Thị Tuyết Trinh			Vợ	CCCD							
23.05	Hồ Hữu Bình			Em ruột	CCCD							
23.06	Hồ Hữu Dương			Em ruột	CCCD							
23.07	Hồ Hữu Lợi			Em ruột	CCCD							
23.08	Nguyễn Thị Thu Minh			Chị vợ	CCCD							
23.09	Nguyễn Thị Hằng			Chị vợ	CCCD							
23.10	Nguyễn Công Chính			Anh vợ	CCCD							
23.11	Phạm Thị Hiền			Chị dâu	CCCD							
23.12	Phạm Hữu Diệp			Anh rể	CCCD							
23.13	Lục Hà Lâm			Anh rể	CCCD							
23.14	Hồ Bích Trâm			Em dâu	CCCD							
23.15	Bùi Thị Tươi			Em dâu	CCCD							
23.16	Nguyễn Thị Đoàn Trinh			Em dâu	CCCD							
24	Trần Ngọc Giáp		Người được ủy quyền CBT		CCCD							

Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
24.1	Ngô Thị Lan			Me	CCCD						
24.2	Trần Thu Hằng			Vợ	CCCD						
24.3	Trần Tri Kiệt			Con							Còn nhớ chưa có CCCD



Stt/ No.	Họ tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ/ Relationship with Company/ internal persons	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp/ NSH No., date of issue, place of issue			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú/ Note
					Loại hình Giấy NSH (CMND/CCCD/ Passport/Giấy ĐKKD)/ Type of NSH Certificate (ID card / CI card / Passport / Business registration certificate)	Số Giấy NSH/ NSH No.	Ngày cấp/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue			
25	Công ty CP Phân phối Điện Quang (Công ty Cổ phần 4P)			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
26	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
27	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Điện Quang			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
28	Công ty TNHH MTV Bóng đèn Điện Quang			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
29	Công ty TNHH MTV Công nghệ cao Điện Quang			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
30	Công ty CP Đầu tư Thương mại Điện Quang			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
31	Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
32	Công ty Cổ phần Tiếp vận Sông Dũng			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
33	Công ty TNHH MTV Điện Quang thông minh			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						
34	Công ty TNHH MTV QuasarLum			Tổ chức có liên quan	GCNDKDN						

